

Tuyển chọn các mẫu phân tích đoạn 1 bài thơ Việt Bắc hay và đặc sắc nhất được bài viết tổng hợp một cách đầy đủ. Giúp các em học sinh trau dồi kiến thức và sáng tạo trong việc phân tích bài thơ Việt Bắc 8 câu đầu. Mời bạn theo dõi.

Tham khảo thêm:

- [Top 8 Mẫu phân tích Việt Bắc nhớ gì như nhớ người yêu chọn lọc nhất](#)
- [Top 10 Mẫu phân tích bức tranh tứ bình hay nhất đạt điểm cao](#)
- [Những bài văn mẫu: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc lớp 12 hay nhất](#)

Dàn ý phân tích đoạn 1 Việt Bắc chi tiết**I. Mở bài**

- Tố Hữu là nhà thơ tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị.
- Dẫn dắt tám câu thơ cần phân tích.

II. Thân bài

1. Bốn câu đầu: Khởi gợi kỷ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, nghĩa tình.

- Khung cảnh chia tay bịn rịn giữa kẻ ở và người về.
- Cách xưng hô “mình - ta”: thân mật gần gũi như trong ca dao.
- Điệp ngữ và kết cấu tu từ được lặp lại hai lần như khơi dậy bao kỉ niệm. Hai câu hỏi đều hướng về nỗi nhớ, một nỗi nhớ về thời gian “mười lăm năm”, một nỗi nhớ về không gian: “sông, núi, nguồn”.

=> Đó là khoảng thời gian gắn bó biết bao kỉ niệm của người dân Việt Bắc với người lính

2. Bốn câu sau: Tiếng lòng của người về xuôi mang bao nỗi nhớ thương, bịn rịn.

- Từ láy “bâng khuâng” thể hiện sự xao xuyến, “bồn chồn” thể hiện sự không yên tâm trong dạ, không nở rời bước.

- Hình ảnh “áo chàm” chỉ người dân Việt Bắc thân thương giản dị.

- Cử chỉ cầm tay nhau thay lời nói chứa đầy cảm xúc.

- Lời người ở lại nhắn gửi tới người ra đi: Lời nhắn gửi được thể hiện dưới hình thức những câu hỏi: nhớ về Việt Bắc cội nguồn quê hương cách mạng, nhớ thiên nhiên Việt Bắc, nhớ những địa danh lịch sử, nhớ những kỉ niệm ân tình...

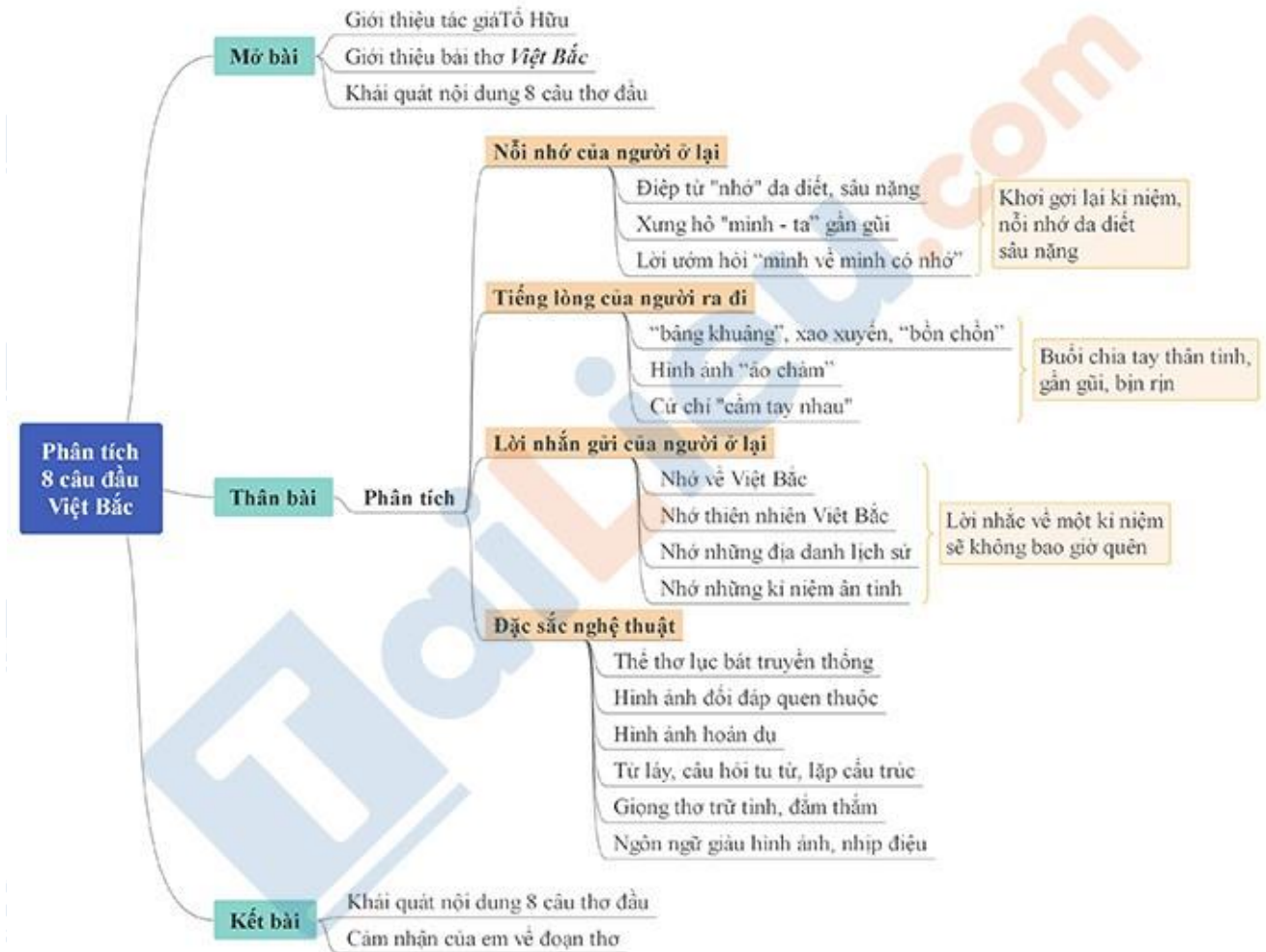
- Nghệ thuật:

- Liệt kê hàng loạt các kỉ niệm.
- Ẩn dụ, nhân hóa: rừng núi nhớ ai.
- Điệp từ “mình”.
- Cách ngắt nhịp 4/4 đều tha thiết nhắn nhủ người về thật truyền cảm.

=> Thiên nhiên, mảnh đất và con người Việt Bắc với biết bao tình nghĩa, ân tình, thủy chung.

III. Kết bài

Đánh giá chung về tám câu thơ đầu.



Phân tích đoạn 1 Việt Bắc - Mẫu 1

Tố Hữu là một trong những thi sĩ trữ tình chính trị. Vừa tham gia chiến đấu nên thơ ông dành rất nhiều tình cảm cho con người và lý tưởng sống của Cách mạng Việt Nam. Trong đó, tác phẩm “Việt Bắc” là bài thơ thấm đượm hồn thơ của Tố Hữu và là bản hùng ca về kháng chiến chống Pháp.

Tác phẩm được viết nhân sự kiện các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ phải rời chiến khu Việt Bắc để về Thủ đô, sau hiệp định Giơnevơ được ký kết thành công vào tháng 10 năm 1954. Bài thơ không chỉ ghi lại mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc mà còn là lời tâm sự đầy yêu thương, thể hiện tình cảm son

sắt thủy chung của người đi và chiến khu Việt Bắc. Cảnh chia ly bịn rịn ấy được khắc họa chân thực, sinh động và xúc động của 8 câu thơ đầu:

*“Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn
Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”.*

Theo lịch sử Việt Nam, thì Việt Bắc là tên gọi chung của sáu tỉnh phía Bắc thời kháng chiến chống Pháp, là Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, được viết tắt là “Cao – Bắc – Lạng – Thái – Tuyên – Hà”. Đây là khu căn cứ địa kháng chiến, được Đảng và Chính phủ thành lập từ năm 1940. Chính ở nơi đây, nhân dân Việt Bắc và cán bộ chiến sĩ đã trải qua 15 năm gắn bó nghĩa tình, keo sơn, từ 1940 đến 1954.

Sau khi quân ta đánh bại quân giặc để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ vẻ vang, rung động thế giới, thì đến tháng 10.1954, Trung ương Đảng và cán bộ rời Việt Bắc. Cảnh và người trong buổi chia ly có 1-0-2 ấy đã trở thành niềm cảm hứng cho tác giả viết nên bài thơ “Việt Bắc” nổi tiếng. Xuyên suốt tác phẩm là nỗi niềm thương nhớ về những năm tháng chiến tranh gian khổ mà đầy nghĩa tình của quân và dân.

*“Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn”

Mở đầu bài thơ, tác giả đã sử dụng một câu hỏi tu từ mang âm hưởng ca dao: “Mình về mình có nhớ ta”. “Mình về” ở đây tiết lộ cho độc giả thấy hoàn cảnh để đưa đến nỗi niềm của người ở lại. Đó là đang tiễn người đi về nhà. Chữ “mình” và “ta” được sắp xếp đứng cách xa nhau và chữ “nhớ” được đứng ở giữa. Điều đó thể hiện, dù mình và ta có cách xa nhau bao nhiêu thì vẫn nhớ mãi về nhau. Nỗi nhớ ấy dựa trên 15 năm gắn bó thiết tha mặn nồng: “Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”. Dường như, câu thơ mang dáng dấp nỗi nhớ trong thơ Kiều: “Mười lăm năm ấy biết bao là tình”. Nhưng nếu như Kiều là tình yêu thì ở đây là tình đồng chí, đồng bào trong một thời kháng chiến đầy gian lao, khốc liệt. 15 năm với biết bao đau thương mất mát, giờ đây chỉ còn là tình cảm thiết tha mặn nồng. 15 năm là quãng thời gian có thể ví như là $\frac{1}{4}$ đời người. Người ở và người đi đã cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, đã cùng vào sinh ra tử. Vì thế, nói chia ly sao mà xót xa đến thế!

Phân tích 8 câu đầu Việt Bắc ta càng thấy trân trọng hơn tình cảm của người dân Việt Nam dành cho nhau trong gian khổ. Dường như càng khốc liệt bao nhiêu thì con người càng yêu mến nhau, đùm bọc che chở cho nhau nhiều hơn. Chính vì thế, câu sau tác giả lại tiếp tục thêm câu hỏi tu từ: “Mình về mình có nhớ không”. Giờ đây, mình và ta đã hòa thành một. Nỗi lòng của người ở cũng như của người đi, tất cả đều là nỗi nhớ. Và nỗi nhớ ấy không chỉ dừng lại ở nội tâm mà lan rộng ra cả núi rừng, sông suối “Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn”. Đây như vừa là lời nhắn nhủ của người ở lại với người đi rằng, sau này dù đi đâu về đâu khi nhìn thấy cây thì cũng hãy nhớ tới núi rừng Việt Bắc, khi nhìn thấy sông thì cũng nhớ tới cội nguồn chiến khu này. Đồng thời cũng vừa là lời hứa của người đi rằng sẽ luôn nhớ về chiến khu Việt Bắc từ núi cho tới nguồn mỗi khi nhìn thấy cây, thấy sông.

Trong câu thơ xuất hiện hai từ chỉ hành động “nhìn” và “nhớ”. Một hành động mô tả hoạt động thị giác, một động từ mô tả hoạt động trong tâm tưởng. Nhìn là đang nói về hiện tại, tương lai. Nhớ là nói về quá khứ. Điều này nhấn mạnh rằng dù người ở và người đi tương lai có như thế nào thì vẫn nhớ về quá khứ bên nhau. Động từ “nhớ” xuất hiện với tần suất dày, như để khẳng định như để khắc sâu hơn vào tâm hồn người và cảnh Việt Bắc về nỗi nhớ. Đồng thời qua đây ta có thể cảm nhận được tấm lòng chân thực, tình cảm chân thành của người dân miền núi dành cho chiến sĩ. Dù nghèo khổ ra sao, nguy hiểm, gian lao thế nào, họ vẫn luôn dành cho các cán bộ miền xuôi một tình cảm da diết và mãi vững bền qua năm tháng.

Nếu như bốn câu thơ đầu lột tả tình cảm của người Việt Bắc dành cho cán bộ về xuôi thì những câu thơ sau nói lên tình cảm đáp lại của chiến sĩ, cán bộ với người chiến khu:

*“Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*

Người chiến sĩ định bước đi, nhưng bỗng nghe tiếng “ai tha thiết” khiến cho họ bước đi mà trong lòng bâng khuâng, bồn chồn. Nhà thơ thật khéo léo khi chỉ qua hai câu thơ nhưng vẽ lên được sự bịn rịn quyến luyến không muốn chia xa của cả người ở lẫn người đi. Chỉ có những ai gắn bó với nhau lắm, yêu nhau lắm thì mới khó lòng chia xa đến như vậy. Bởi cả hai người ở và người đi đều biết, chiến tranh sẽ vẫn còn tiếp diễn. Sự gặp lại biết đến bao giờ. Bởi thế, họ càng thấy nuối tiếc xót xa. Giống như chân lý mà Chế Lan Viên từng khẳng định: “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở. Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn”. Các chiến sĩ, cán bộ đáp lại lời của bà con dân bản đó là bà con và đất trời chiến khu đã trở thành một phần trong tâm hồn họ. Tác giả sử dụng 2 cụm từ láy “bâng khuâng” và “bồn chồn” càng nhấn mạnh thêm

sự day dứt, lưu luyến của người đi. Người đi là các cán bộ về xuôi. Họ ra đi nhưng vẫn mang trong mình nỗi lo lắng và nhung nhớ. Họ thương người dân chiến khu. Họ lo lắng rồi đây, trong những năm tháng tiếp theo, người dân nơi đây sẽ như thế nào. Thật sự, chưa nơi đâu mà tình cảm quân dân lại thấm đượm đến như thế!

Hình ảnh buổi chia ly đầu nước mắt, nghẹn ngào con tim diễn ra chiến sĩ cách mạng và người Việt Bắc được lột tả đậm nét ở hai câu thơ cuối:

*“Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*

Nói đến “áo chàm” là người ta nghĩ ngay tới hình ảnh chiếc áo màu nâu, là màu áo của bà con nông dân lam lũ, cực khổ đã lao động cần mẫn phục vụ cho Cách mạng. Nhà thơ sử dụng hình ảnh hoán dụ “áo chàm” chính là nói về người dân Việt Bắc. Áo chàm không dành cho riêng ai, mà nói về tất cả những người dân chiến khu. Họ và các cán bộ cầm tay nhau mà không biết nói gì. Không phải họ không có gì để nói với nhau là trong lòng quá nhiều thứ để nói. Họ muốn nói với nhau nhiều lắm nhưng không bắt đầu từ đâu. Thế nên, chỉ cầm tay nhau để cảm nhận hết nỗi lòng. Bởi từ bàn tay, trái tim con người sẽ dễ dàng cảm nhận được. Khôi óc con người sẽ dễ dàng nhận dạng được. Dù tình cảm vô cùng keo sơn gắn bó, nhưng giữa những con người ấy vẫn có lí trí. Họ hiểu rằng, không còn cách nào khác. Cuộc vui nào rồi cũng đến lúc chia li. Nhưng chia li trong nước mắt hạnh phúc vẫn hơn là trong đau khổ. Dù là phải xa nhau nhưng người dân Việt Bắc và các chiến sĩ vẫn có niềm vui của chiến thắng.

8 câu đầu bài Việt Bắc không thể không nhắc tới các biện pháp nghệ thuật được nhà thơ Tố Hữu sử dụng. Đầu tiên là về thể thơ lục bát. Với thể loại này, khiến độc giả vô cùng dễ nhớ dễ thuộc, bởi đây là thể thơ mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, lối hát đối đáp mang âm hưởng ca dao, dân ca giúp bài thơ

thêm phong phú về giai điệu. Kết hợp với nhiều biện pháp tu như như hoán dụ, câu hỏi tu từ... giúp bức tranh buổi phân ly thêm rõ nét và nhiều cảm xúc.

Qua 8 câu thơ đầu độc giả vô cùng cảm động trước tình cảm chân thành sâu sắc giữa bà con chiến khu Việt Bắc với các cán bộ, chiến sĩ Cách mạng. Nếu như, 15 năm người ta sống trong sung sướng, sang giàu chưa chắc đã gắn bó, nghĩa tình như khi người ta sống trong gian khổ hiểm nguy. Bởi thế, khi phải nói lời chia tay, mỗi thâm tình ấy của người đi và người ở càng thêm day dứt, luyện lưu.

Vì là người trong cuộc, lại là một hồn thơ yêu nước nên nhà thơ Tố Hữu đã vẽ nên bức tranh thật sinh động, tuy mộc mạc, giản dị nhưng thấm đượm tính nhân văn.

Phân tích 8 câu đầu bài thơ Việt Bắc - Mẫu 2

Nhớ về giai đoạn 1945 - 1975, bạn đọc đều khắc khoải những giây phút chiến đấu hào hùng, những gian khổ khốc liệt của bom đạn chiến tranh. Và chính hoàn cảnh đó đã sản sinh ra Những ngòi bút Cách Mạng tiêu biểu cho một thời kì văn học dân tộc. Nếu Phạm Tiến Duật hay Quang Dũng viết về gian khổ bằng giọng thơ tươi trẻ, yêu đời, thì Tố Hữu lại đi vào lòng bạn đọc nhờ cái trữ tình, lắng sâu của lời thơ. Tám câu thơ mở đầu “Việt Bắc” là minh chứng rõ nét cho phong cách thơ Tố Hữu.

Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh ra và lớn lên nơi xứ Huế mộng mơ. Phải chăng chính đất và người nơi đây đã đọng lại trong tâm hồn thi sĩ chất nhẹ nhàng, duyên dáng, rất thơ, rất Huế. Ở thi nhân có sự hòa quyện thống nhất giữa cuộc đời Cách mạng và cuộc đời thơ. Ông chọn con đường Cách mạng từ thời niên thiếu, viết thơ cũng là viết cùng chặng đường lịch sử của cả dân tộc. Bởi vậy, Tố Hữu quan niệm: “Muốn có thơ hay, trước hết, phải tạo lấy tình. Nhà thơ chân chính phải không ngừng phấn đấu, tu dưỡng về lập trường tư tưởng; xác định thật rõ ràng

tầm nhìn, cách nhìn. Tự nguyện gắn bó chân thành là yêu cầu cao nhất đối với người nghệ sĩ trong quan hệ với đất nước, với nhân dân. Ngoài ra, các nhà thơ Cách mạng còn phải kiên quyết đấu tranh, không khoan nhượng trước những biểu hiện lệch lạc, với cái xấu cái ác. Tóm lại, viết thơ phải xứng đáng là người chiến sĩ xung kích trên mặt trận văn hóa tư tưởng. "Và Việt Bắc chính là áng thơ được kết tinh từ tư tưởng chính trị vững vàng cùng trái tim ấm nóng luôn hướng về quê hương đất nước của nhà thơ. Bài thơ ra đời trong không khí hân hoan của quân và dân sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, trong giây phút những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi. Việt Bắc là khúc ca hùng tráng và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến, thể hiện sự gắn bó, ân tình sâu nặng với nhân dân, đất nước trong niềm tự hào dân tộc. Tám câu thơ mở đầu đã dội nên bao nỗi niềm thân thương, lưu luyến trong tâm tình người chiến sĩ khi rời xa đồng bào vùng cao để trở về.

Cuộc chia tay đầy bịn rịn, tiếc nuối hiện ra qua giọng thơ ngọt ngào, trữ tình của Tố Hữu.

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Đoạn thơ nương theo điệu hồn truyền thống từ thể thơ đến cách xưng hô, gợi một nỗi niềm bình dị, thân thuộc. Tố Hữu tìm về với văn học cổ để khai phá cái tình, cái tứ trong thể thơ lục bát bình dị, tạo âm hưởng đối thoại tâm tình giữa quân và dân. Giữa đồng bào và người lính, giữa những đồng đội không phải là “anh - tôi” như trong “Đồng chí” (Chính Hữu), không phải “nàng, em” trong lời thơ Tây Tiến (Quang Dũng), tình cảm son sắt, thắm đượm ấy đã trở thành “mình - ta”. Lối xưng hô quen thuộc trong ca dao dân ca xưa vừa gợi nét ấm cúng, thân mật, vừa tạo nên

nét độc đáo trong ngòi bút khám phá của Tố Hữu. Với nhà thơ, tình quân dân cũng ấm nồng như tình cảm gia đình, cần sự thủy chung, gắn bó bền chặt không rời. Lời thơ là lời của người ở lại nói với người ra đi rằng: sau khi trở về thành thị phồn hoa rồi, liệu lòng người có còn vương vấn chút gì nơi đây, có nhớ “mười lăm năm” kháng chiến gian khổ, có nhớ núi rừng đồng cỏ nơi đây hay không. Nỗi niềm ấy cứ day dứt trong lòng người ở lại. Ngay sau cụm từ “mười lăm năm” dài đằng đẵng ấy là hình ảnh của non sông suối nguồn miền cao, gợi cho bạn đọc cảm giác menh mang, chơi vơi của nỗi nhớ, nó đã trải ra khắp không gian, thấm đượm vào từng vết hằn của thời gian đời người. Câu thơ chất chứa cái tình, cái nghĩa của người ra đi và người ở lại, hay cũng chính là cái gắn bó sâu đậm của đồng bào miền ngược với những chiến sĩ miền xuôi.

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Nhớ về Việt Bắc, người lính nhớ thiên nhiên đại ngàn hùng vĩ, nhớ về những tháng ngày chiến đấu gian khổ và đặc biệt hơn cả là nhớ về trái tim của những người ở lại. “Tiếng ai” - tiếng người ở lại hay tiếng người ra đi, nhà thơ không nói rõ nhưng dù là của ai cũng đều bâng khuâng, bồn chồn không yên. Phải chăng đó là nỗi lòng người lính khi phải rời xa chốn thân thương này, bồi hồi, lưu luyến không thể cất bước. Tố Hữu đã sử dụng nghệ thuật hoán dụ vô cùng tinh tế “Áo chàm đưa buổi phân li”. Áo chàm là trang phục truyền thống của đồng bào dân tộc trên vùng cao, dùng hình ảnh áo chàm để khắc họa lên hình ảnh con người, vừa kín đáo, vừa giàu giá trị nghệ thuật, Lời thơ trở nên mềm mại, giàu hình ảnh hơn. Trong giờ phút chia tay ấy, mọi người đứng gần nhau, nắm tay nhau. Bao kỉ niệm, bao lời giải bày đều không thể cất nên thành tiếng. Khoảng lặng vô định bỗng chiếm đoạt bầu

không gian, là lúc tiếng lòng cất lời. Chỉ nhìn nhau, chỉ nắm tay nhau cũng đủ hiểu nhau. Đó là biểu hiện của sự đoàn kết, gắn bó keo sơn suốt bao năm tháng. Chỉ bằng những hình ảnh giản dị, ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhà thơ đã khắc họa nên bức tranh buổi chia tay vô cùng ấm nồng, cảm động. Con người, thời gian, không gian như hòa làm một. Tình cảm quân dân, đồng chí- đồng bào đã trở thành tình yêu đất nước.

Bằng tài năng nghệ thuật cùng tâm hồn nhạy cảm, tha thiết với Cách mạng, Tố Hữu đã tái hiện lại khung cảnh buổi chia tay đầy xúc động của đồng bào dân tộc miền núi với chiến sĩ khi về xuôi. Từ đó làm ngời sáng lên vẻ đẹp của tình cảm quân dân gắn bó, thắp lên hy vọng vào một tương lai tươi sáng hơn.



Phân tích Việt Bắc đoạn 1 - Mẫu 3

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị, tiêu biểu cho thơ ca cách mạng Việt Nam. Thơ Tố Hữu thể hiện lẽ sống lớn, tình cảm lớn của con người Cách mạng. Thơ ông đậm đà tính dân tộc trong nội dung và hình thức thể hiện. Bài thơ "Việt Bắc" là đỉnh cao

của thơ Tố Hữu và cũng là đỉnh cao của thơ ca kháng chiến chống Pháp. "Việt Bắc" là một trong những bài thơ được xếp vào hạng những bài thơ "tổng biệt" của Tố Hữu. Mặc dù là đề tài cũ, nhưng bài thơ vẫn mới mẻ bởi "Việt Bắc" ra đời trong cuộc chia tay đặc biệt giữa nhân dân Việt Bắc và cán bộ kháng chiến vào tháng 10 năm 1954. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ không mang cảnh trạng của một cuộc chia ly với nỗi buồn đầy nước mắt, mà là nỗi niềm chia ly trong tình cảm giữa cán bộ và nhân dân sâu đậm ân tình. Đoạn thơ mở đầu của bài thơ là sự thể hiện tinh tế và sâu sắc những rung động trong trái tim của người đi và người ở trong giờ phút phân ly:

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Bốn câu thơ đầu là lời của người ở lại nói với người ra đi:

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Tác giả mở đầu bằng một câu hỏi mang âm hưởng ca dao, tình yêu: "Mình về mình có nhớ ta". "Mình về" là hoàn cảnh để người ở lại bộc lộ nỗi niềm. "Về" gợi đến sự chia ly, đó là sự chia ly của người ra đi và người ở lại. Về mặt kết cấu câu thơ thì

"mình" đứng ở đầu câu, còn "ta" đứng ở cuối câu thơ. Nó gợi lên cái khoảng cách giữa "ta" và "mình". Nỗi niềm gợi lên qua câu hỏi ấy của người ở lại là nỗi nhớ, tình cảm của người ở lại hướng tới người ra đi. Đứng giữa câu thơ là một từ "nhớ", nó làm cho "mình" và "ta" dường như được xích lại gần nhau hơn. Cơ sở tạo nên nỗi nhớ ấy là: "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng". Câu thơ phảng phất âm hưởng của thơ Kiều, nhưng từ âm hưởng đó lại vang lên nỗi niềm tình cảm của những con người trong một thời kháng chiến. "Mười lăm năm ấy" gợi đến một quãng thời gian khó khăn, một thời đau thương, mất mát. Tuy vậy, dường như tất cả mất mát đau thương ấy chìm đi, đọng lại trong câu thơ chỉ còn là tình cảm "thiết tha mặn nồng". Đó chính là sự gắn bó thân thiết, tình cảm chia sẻ ngọt trong "mười lăm năm ấy" giữa "ta" và "mình". Bởi vậy, hỏi nhưng cũng chính là để bộc lộ tình cảm và hỏi chính là thể hiện mong muốn người ra đi cũng có tình cảm như chính mình.

Đến câu thơ thứ ba cũng là một câu hỏi. Câu hỏi: "Mình về mình có nhớ không" cũng có sự lặp lại gần giống câu thơ đầu. Tuy vậy, đối tượng hỏi không chỉ còn bó hẹp trong mối quan hệ giữa "ta - mình" và nỗi nhớ dường như không còn chỉ hướng tới "ta", mà nỗi nhớ đó đã hướng vào đối tượng rộng lớn hơn rất nhiều, đó chính là không gian "núi rừng" và "sông nguồn". Câu hỏi gợi về không gian có "núi", có "nguồn" ở núi rừng Việt Bắc. Đây chính là không gian quen thuộc gắn với người ở lại và cũng gắn bó với cả người ra đi. Không gian đó với người ra đi và người ở lại không còn là không gian vô hồn, vô cảm mà là không gian chứa đầy kỉ niệm, nó góp phần tạo nên tình cảm cho người ra đi. Ở trong câu thơ xuất hiện nhiều lần hai động từ chỉ hành động "nhìn" và "nhớ". Một hành động tác động vào thị giác, một hành động tác động vào tâm tưởng; một hành động hướng tới hiện tại, một hành động hướng về quá khứ. Sự đan xen giữa các hành động đó mà người ở lại đưa ra là để muốn nhắc nhở người ra đi sống ở hiện tại đừng quên về quá khứ, sống ở miền xuôi đừng quên miền ngược, đừng quên về những kỉ niệm của một

thời đã qua. Đó chính là mong muốn của người ở lại nhắn nhủ tới người ra đi. Trước khi mong muốn người ra đi để nhớ thì người ở lại đã thể hiện nỗi nhớ của mình. Nỗi nhớ đó biểu đạt trực tiếp qua động từ "nhớ" xuất hiện nhiều lần ở khổ thơ, càng về cuối thì từ "nhớ" xuất hiện càng nhiều đã thể hiện cường độ nhớ ngày một tăng và nó đã tạo nên âm hưởng chủ đạo cho bài thơ. Đó là âm hưởng nhớ thương, ân tình tha thiết.

Bốn câu thơ đầu chỉ với hai câu hỏi, nhưng chủ yếu là để giải bày tình cảm và để mong muốn người ra đi cũng có tình cảm như chính mình, bởi giữa hai đối tượng đó có sự gắn bó khăng khít trong một thời kháng chiến và một vùng kháng chiến. Để rồi từ đó, người ra đi đáp lại người ở lại bằng bốn câu thơ:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
 Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
 Áo chàm đưa buổi phân li
 Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

Người ở lại đặt ra câu hỏi nhưng người ra đi không trực tiếp trả lời câu hỏi đó mà thay vào đó người ra đi thể hiện tình cảm lưu luyến, bịn rịn trong buổi chia tay. Ấn tượng ban đầu đã tác động đến người ra đi: "Tiếng ai tha thiết bên cồn". "Ai" là đại từ không xác định. "Ai" có thể là nhân vật đang xuất hiện trước mắt người ra đi, quen thuộc với người ra đi - một con người cụ thể xuất hiện "bên cồn" trong buổi chia ly. "Ai" có thể là bất cứ người dân Việt Bắc đã cùng sống, cùng làm việc, cùng sinh hoạt với người ra đi. Dù hiểu theo cách nào thì ấn tượng tác động đến người ra đi là âm thanh tiếng nói tha thiết - đó chính là âm thanh rất đỗi ngọt ngào, thiết tha, sâu lắng. Và âm thanh đó dường như gọi về biết bao kỉ niệm, biết bao buổi trò chuyện tâm tình và âm thanh đó gọi về mối tình keo sơn gắn bó thân thiết giữa người ở lại với người ra đi. Chính âm thanh đó đã khiến cho người ra đi "Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi". Câu thơ ngắt nhịp 4/4 với hai vế tiểu

đôi trong tương quan đối lập giữa bên trong và bên ngoài. "Trong dạ" thì "bâng khuâng" còn hành động bên ngoài biểu hiện sự "bồn chồn" thấp thỏm của người ra đi, nhưng lại có sự tương đồng trong cảm xúc và hành động. Chính vì cảm xúc "bâng khuâng" thì mới có hành động "bồn chồn" đó được.

Trong cảm nhận của người ra đi, một hình ảnh bình dị, quen thuộc thường xuất hiện trong cuộc sống đời thường đó là hình ảnh "áo chàm". Hơn thế nữa chiếc "áo chàm" gợi đến sắc màu bền bỉ khó phai. Tác giả sử dụng hình ảnh hoán dụ "áo chàm" để chỉ người dân Việt Bắc và bởi vậy nói "áo chàm đưa buổi phân li" là nói về cuộc chia tay đầy lưu luyến giữa người Việt Bắc với người cách mạng. Mượn hình ảnh "áo chàm" dường như tác giả muốn nói đến tình cảm thủy chung sắt son khó phai mờ của người dân Việt Bắc với người chiến sĩ cách mạng. Và ấn tượng đậm nét nhất với người ra đi chính là hành động "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...". Trước tiên là hành động "cầm tay nhau" là hành động quen thuộc và rất đẹp của những ai khi chia li, nó thể hiện tình cảm gắn bó thân thiết và đồng thời thể hiện sự lưu luyến giữa kẻ ở người đi. Họ cầm tay nhau trong tâm trạng nghẹn ngào, vì thế không nói lên lời. Dấu ba chấm xuất hiện cuối dòng thơ như nốt nặng không lời, nhưng chính nó lại quý giá hơn rất nhiều những lời nói thường ngày bởi cái cầm tay đã nói lên tất cả những lưu luyến, bịn rịn. Câu thơ kết lại đoạn thơ có nhịp thơ thay đổi khác thường. Sự thay đổi của nhịp thơ không chỉ tạo nên sự ngắt ngừng cho giọng điệu của câu thơ mà còn tạo nên cái ngắt ngừng của tình cảm. Và đồng thời sự khác lạ trong nhịp thơ ấy đã diễn tả sự khác lạ trong diễn biến tình cảm của kẻ ở người đi.

Phân tích 8 câu thơ đầu bài thơ Việt Bắc - Mẫu 4

Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Tố Hữu được biết đến với những tác phẩm mang đậm tính trữ tình - chính trị. Bàn về phong cách thơ độc đáo của ông, có ý kiến cho rằng: "Với giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết và nghệ thuật biểu hiện

giàu tính dân tộc thì dù viết về vấn đề gì, thơ Tố Hữu vẫn luôn dễ đi vào lòng người". Đặc trưng này đã được thể hiện rõ qua bài thơ Việt Bắc nói chung và tám câu thơ đầu tiên của thi phẩm này nói riêng.

Giọng thơ tâm tình ngọt ngào, ngôn ngữ giản dị mà tha thiết trong thơ Tố Hữu là giọng điệu của sự ngọt ngào, mang tính tâm tình, thủ thi sâu lắng, đằm thắm. Trong bài thơ Việt Bắc, để thể hiện nội dung về tình cảm cách mạng, tác giả Tố Hữu đã sử dụng giọng thơ tâm tình để bộc lộ những xúc cảm nặng nghĩa tình. Giọng điệu đó quyện hòa cùng nghệ thuật giàu tính dân tộc qua thể thơ lục bát, kết cấu đối đáp "mình - ta" thân thuộc trong các câu ca dao và khúc hát dân ca, hệ thống ngôn ngữ bình dị cùng những hình ảnh thơ quen thuộc nhưng vẫn giàu sức gợi. Dù viết về đề tài chính trị gắn với sự kiện lịch sử tháng 10 năm 1954, sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, các cơ quan trung ương của Đảng rời chiến khu Việt Bắc để trở về hoạt động tại thủ đô Hà Nội nhưng bài thơ Việt Bắc nói chung và tám câu thơ đầu tiên vẫn hiện lên chất chứa cảm xúc của sự ngọt ngào, tha thiết.

Trong tám câu thơ đầu tiên, tác giả đã tái hiện không khí băng khuâng, lưu luyến trong những phút giây đầu tiên của buổi chia ly giữa kẻ ở - người đi. Khúc dạo đầu được khơi gợi từ lời của những người ở lại:

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Trong lời ca của người dân Việt Bắc hướng tới những người chiến sĩ, cán bộ cách mạng, chúng ta có thể thấy được cảm xúc trữ tình sâu lắng qua điệp cấu trúc câu: "Mình về mình có nhớ ta?", "Mình về mình có nhớ không?". Sự láy đi láy lại của câu hỏi tu từ đã xoáy sâu vào nỗi nhớ và sự day dứt khôn nguôi. Quãng đường

đồng hành đầy nghĩa tình và "thiết tha mặn nồng" giữa nhân dân Việt Bắc và người chiến sĩ cách mạng đã được diễn tả qua khoảng thời gian "Mười lăm năm ấy". Đó là những tháng ngày đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, gọi lên sự bao bọc của nhân dân: "Thương nhau chia củ sắn lùi/ Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng". Cuộc kháng chiến của dân tộc ta vì thế luôn ngời sáng sức mạnh của tinh thần đoàn kết và mang tính toàn dân. Biết bao ân tình, gắn bó một lần nữa được gợi nhắc qua những hình ảnh "cây", "núi", "sông", "nguồn" - không gian quen thuộc nơi núi rừng ẩn dụ cho lối sống ân nghĩa thủy chung. Như vậy, qua bốn câu thơ đầu, chúng ta có thể thấy được giọng điệu tâm tình, thủ thỉ tràn đầy cảm xúc băng khuâng, xao xuyên của đồng bào dân tộc.

Cuộc đối thoại trữ tình tiếp tục được tiếp nối qua lời đáp của người ra đi - những cán bộ chiến sĩ cách mạng:

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Băng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

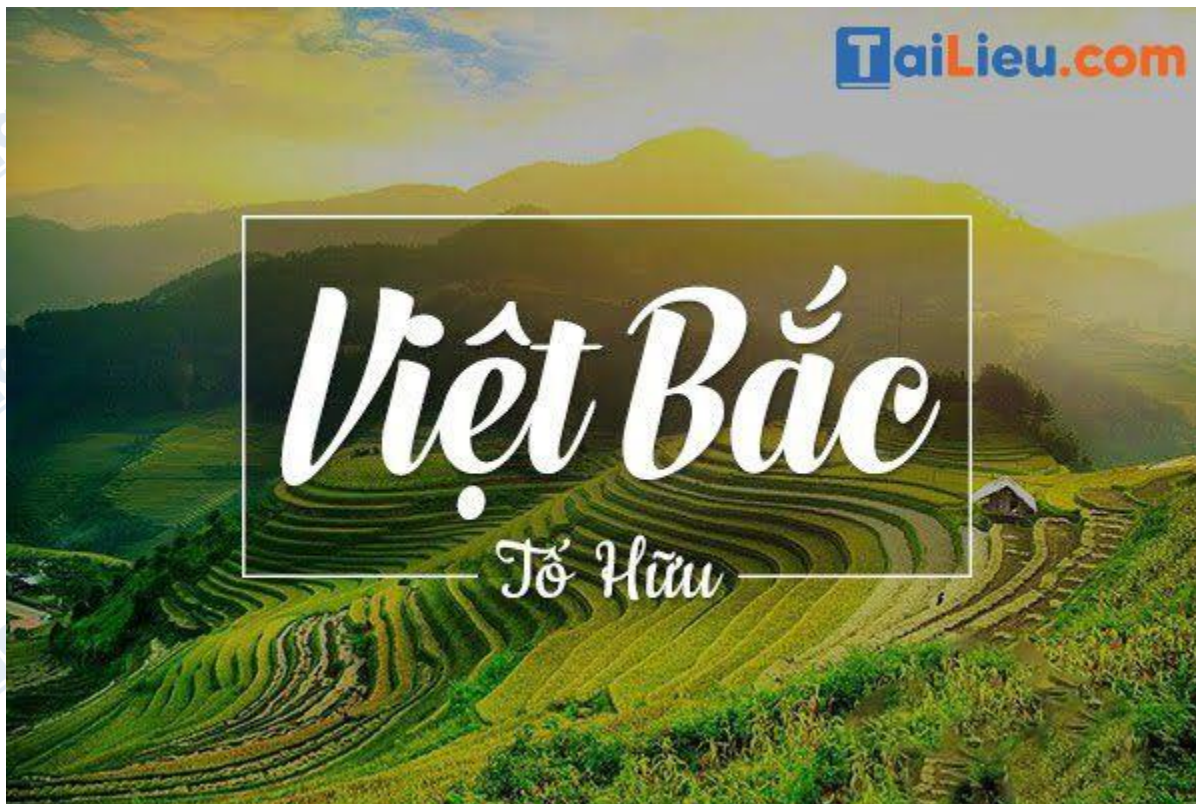
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Bốn câu thơ đã thể hiện rõ sự lưu luyến bịn rịn, dù chưa chia xa những viễn cảnh nhớ nhung đã hiện lên trước mắt. Đại từ "ai" ngân vang cùng sự "tha thiết" đã nhấn mạnh vào tình cảm, cảm xúc đặc biệt của người ra đi và sự thấu hiểu đối với cảm xúc của người ở lại. Điều này khiến cho câu thơ giống như một câu trả lời gián tiếp khẳng định người ra đi sẽ mãi mãi không quên được "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng" và luôn một lòng hướng về và nhớ đến "cây", "núi", "sông", "nguồn". Trạng thái này được xoáy sâu hơn nữa qua những tính từ miêu tả cảm xúc như "băng khuâng", "bồn chồn". Hình ảnh người ở lại đã được khắc họa trong tâm tưởng của những chiến sĩ cách mạng qua hình ảnh hoán dụ "Áo chàm" - màu áo đặc trưng của đồng bào Việt Bắc. Cuộc chia ly cứ thế diễn ra trong sự băng khuâng

xúc động, và tất cả mọi cảm xúc dường như nén lại: "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay".

Chỉ với tám câu thơ đầu tiên, chúng ta có thể thấy được tài năng của nhà thơ Tố Hữu trong việc sử dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo và linh hoạt thể thơ lục bát - thể thơ dân tộc với những đặc trưng riêng trong cách gieo vần và nhịp điệu. Đồng thời, kết cấu bài thơ được kiến tạo theo lối đối đáp giao duyên qua cặp đại từ "mình - ta" khiến lời thơ chất chứa yêu thương như những lời tâm tình của đôi lứa yêu nhau. Câu chuyện cách mạng, kháng chiến vốn thuộc lĩnh vực chính trị khô khan được tái hiện đầy tâm tình và sâu lắng như một câu chuyện tình yêu ngọt ngào, làm nổi bật tình cảm ân tình thủy chung, cao đẹp của nghĩa tình cách mạng.

Như vậy, qua tám câu thơ đầu tiên, chúng ta có thể khẳng định: "Với giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết và nghệ thuật biểu hiện giàu tính dân tộc thì dù viết về vấn đề gì, thơ Tố Hữu vẫn luôn dễ đi vào lòng người". Câu chuyện cách mạng, kháng chiến mang tính chính trị, gắn với sự kiện lịch sử cụ thể vì thế khi đi vào trang thơ "Việt Bắc" vẫn chất chứa cảm xúc và da diết, bồi hồi. Điều này đã thể hiện rõ đặc trưng chính trị - trữ tình trong phong cách thơ Tố Hữu. Đồng thời tạo nên nét đặc sắc và sức hấp dẫn của bài thơ.



Phân tích đoạn 1 Việt Bắc - Mẫu 5

Nhà thơ Tố Hữu được coi là “cánh chim đầu đàn” tiên phong trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Ngay từ tập thơ đầu tiên, Tố Hữu đã cho thấy một trái tim hùng hực sức trẻ đang “bùng nổ hạ” vì được “mặt trời chân lý chói qua tim”. Và cho đến tác phẩm Việt Bắc, Tố Hữu đã hoàn toàn khẳng định được mình là một cây bút cách mạng – trữ tình xuất sắc nhất trên văn đàn Việt Nam thế kỉ XX.

8 câu thơ đầu của bài thơ Việt Bắc thể hiện những cảm xúc lưu luyến, nhớ thương của mình khi rời Việt Bắc. Mở đầu bài thơ, tác giả đã sử dụng lối xưng hô mình – ta hết sức thân mật và tình cảm. Đặc biệt đây là cách xưng hô thường thấy trong những câu ca dao – dân ca về giao duyên giữa đôi lứa với nhau.

Tố Hữu đã khéo léo mang sắc thái tình cảm đôi lứa vào tình nghĩa quân dân. Chính điều đó đã mang lại cho người đọc cảm nhận 8 câu đầu bài thơ viết bắc một tâm trạng xúc động và quyến luyến như đang hòa nhập vào chính nhân vật “mình”

*Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

“Mười lăm năm ấy” tính từ năm 1941 cho đến hết năm 1954. 1941 là khi Bác Hồ về nước và lập căn cứ kháng chiến ở Pác Bó. Năm 1954 sau khi kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác mới dời chiến khu về Hà Nội. Mười lăm năm ấy là mười lăm năm kháng chiến gian khổ. Nhưng trong chính những năm tháng vất vả trăm bề ấy, tình cảm quân – dân đã trở nên “thiết tha mặn nồng”.

Qua cảm nhận 8 câu đầu bài thơ viết bắc ta có thể thấy được tình cảm giữa “mình” – những người đồng bào Việt Bắc dành cho “ta” – người cán bộ kháng chiến miền xuôi. Không còn chỉ là tình quân – dân mà nó trở thành thứ tình cảm giữa những người thân thiết trong gia đình.

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

Những từ láy liên tiếp: tha thiết, bâng khuâng, bồn chồn đã khắc họa rõ nét tâm trạng rối bời của nhân vật trữ tình trong phút chia ly. Trong đó, áo chàm là một hình ảnh ẩn dụ hết sức đặc sắc.

Dùng áo chàm để chỉ những người đồng bào Việt Bắc, Tố Hữu đã thực sự hòa nhập vào cuộc sống của những người dân ở đây. Không còn khoảng cách quân – dân, cán bộ – đồng bào. Trong giây phút chia ly chỉ còn “mình” với “ta” cùng nỗi xúc động “không biết nói gì hôm nay”

Phân tích 8 câu đầu Việt Bắc để thấy được tính dân tộc của bài thơ, trước hết ở kết cấu đối đáp kiểu ca dao giao duyên. Kiểu kết cấu đối đáp trong ca dao giao duyên là một kiểu kết cấu độc đáo để nhân vật trữ tình có thể vừa kể lể sự việc bộc lộ cảm xúc, thể hiện thái độ tình cảm với “đối phương” hoặc đối tượng được nói tới.

Phân tích đoạn 1 Việt Bắc - Mẫu 6

Nhắc đến Tố Hữu, người ta sẽ nhớ ngay đến hình ảnh của một nhà thơ luôn đi đầu trong phong trào nghệ thuật vì nền cách mạng nước nhà. Con đường thơ ca của Tố Hữu luôn gắn liền với những hình ảnh, sự kiện nổi bật của dân tộc. Bằng giọng thơ giàu tình cảm, bút pháp tài tình kết hợp giữa chính trị và nghệ thuật biểu hiện, ông đã sáng tác bài thơ Việt Bắc được xem là đỉnh cao của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Đặc biệt, chỉ qua khổ thơ thứ nhất, ông đã mang tới cho người đọc đến với vùng đất Việt Bắc đầy nắng gió, khó khăn những thấm đẫm tình nghĩa.

Việt Bắc được sáng tác vào tháng 10/1954, đây là giai đoạn chuyển giao khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, các cán bộ chiến sỹ rời chiến khu Việt Bắc quay trở lại thủ đô Hà Nội. Cuộc chiến tranh kết thúc với bao niềm vui hân hoan vì nền độc lập hòa bình, thế nhưng đồng nghĩa với việc chia ly giữa cán bộ và đồng bào Việt Bắc. Nơi ấy, nhân dân cán bộ đã trải qua cùng nhau bao khó khăn, kỉ niệm, chia sẻ ngọt bùi cùng nhau. Bài thơ Việt Bắc ra đời để thể hiện biết bao tâm tình của người đi kẻ ở.

Mở đầu đoạn trích, tác giả đã thay lời muốn nói của những người ở lại để thể hiện cho hết cung bậc nhớ thương, tình cảm:

“Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Mình - ta thường được dùng để thể hiện mối quan hệ gần gũi như vợ chồng, lứa đôi. Thế nhưng tác giả đã dùng cặp từ ấy cho đồng bài Việt Bắc với những người lính cán bộ. Chẳng phải vợ chồng nhưng tình nghĩa đôi bên cũng keo sơn, bền chặt tựa như vậy. Những câu hỏi dồn dập, nào là có nhớ ta, nhớ cây nhớ núi nhớ sông nhớ nguồn không. Điệp từ “nhớ” được nhắc lại nhiều lần trong câu hỏi tu từ càng xoáy sâu vào trong lòng người đọc. “Mười lăm năm” là chi tiết thực chỉ độ dài từ những năm 1940 cho đến thời gian ấy, hơn một thập kỷ chúng ta đã cùng nhau ăn, cùng nhau cười, cùng nhau chiến đấu. So với những cuộc kháng chiến khác, mười lăm năm ấy chẳng phải là dài. Thế nhưng cái quan trọng ở đây, khoảng thời gian ấy đã tích tụ, bồi đắp biết bao tình cảm, có thể đong đầy bằng cả đời người. Câu hỏi chất chứa tình cảm lưu luyến, bao lời dặn dò của người ở lại cho người ra đi. Trở về với phố hội phồn hoa, mong người đừng quên “cây núi sông nguồn chốn đây”. Những cảnh vật tuy vô tri vô giác, thế nhưng đã cùng “mình” với “ta” trong suốt bao năm qua lúc vui kể cả lúc buồn. Cây và sông là biểu tượng của không gian miền xuôi, với vùng cao đầy núi và nguồn. Sự chia ly có thể bị ngăn trở bởi khoảng cách thế nhưng “ta” vẫn luôn hi vọng “mình” sẽ chẳng bao giờ quên những chốn kỉ niệm ấy. Tố Hữu đặc biệt sử dụng những từ “thiết tha”, “mặn nồng” càng

làm tăng giá trị của những thứ tình cảm ấy. Phải thật trân trọng, đáng quý xiết bao mới khiến con người ta không khỏi nuối tiếc nếu phải đánh mất đi.

Nếu như đối với người ở lại, những tình cảm ấy chất chứa trong hàng ngàn lời nói thì người ra đi chỉ biết dùng hành động để thể hiện nỗi lòng. Tình cảm ấy, họ đã quá hiểu nhân dân Việt Bắc. Vì sự nghiệp đất nước vẫn đang đợi chờ các anh nên buộc lòng các anh phải ra đi, tuy chẳng nỡ nhưng cũng đành xa cách:

“Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi”

Những cặp từ láy “bâng khuâng”, “bồn chồn” diễn tả trạng thái tâm lý nhớ thương, lưu luyến khiến lòng chẳng thể yên. Như Tú Xương đã viết:

“Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai”...

Tiếng “ai” ấy lại chất chứa biết bao yêu thương, chẳng thể chỉ cụ thể một người, bởi tình cảm ấy là dành cho cả một đồng bào Việt Bắc. Tô Hữu đã khai thác tiếng “ai” ấy một cách xuất sắc, khi để lại âm vang trong lòng người về. Nó khiến cho tâm trạng con người càng trở nên nôn nao, những dòng cảm xúc cứ ào về không thôi. Nhưng những tâm trạng nhớ thương ấy chỉ biết kìm nén chặt trong lòng, chẳng thể nào dùng lời lẽ bày tỏ, hay thét lên cho người ngoài những nỗi buồn.

Tâm trạng bâng khuâng bồn chồn ấy còn được thể hiện hết sức tinh tế qua nhịp điệu hai câu tiếp theo:

“Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

Cặp thơ lục bát được tác giả góp thêm một chút nhịp điệu, như một đảo phách trong âm nhạc. Màu “áo chàm” đặc trưng của những con người chân chất miền núi Tây Bắc. Hình ảnh thật đơn sơ, mộc mạc của chốn quê nghèo, nghèo vật chất nhưng luôn giàu tình cảm. Tấm áo ấy đã chất chứa biết bao mồ hôi, khó khăn vất vả, một nắng hai sương để chiến đấu, nuôi dưỡng các anh lính cụ Hồ để các anh an tâm đánh giặc. Chẳng phải áo bào, áo gấm để tiến đưa, cảm ơn công lao của các anh, chỉ là bóng dáng của những con người lao động nhưng sao vẫn khiến cho ta không khỏi cảm kích, biết ơn. Tình cảm bịn rịn ấy còn được thể hiện qua hình ảnh “cầm tay”. Đôi bàn tay của những con người cầm súng ấm áp, nâng niu đôi tay của những người lao động. Những đôi tay vất vả, sần lên vì những khó khăn khác nhau, nhưng giờ phút ấy, đôi ta đều chung một nỗi tâm tình. Hình ảnh giàu tính gợi hình, gợi cảm xúc, chẳng cần phải giải bày nhiều vì có quá nhiều điều muốn nói, nhưng lại chẳng biết bắt đầu từ đâu. Nỗi lòng ấy, xin người để “ta” chôn chặt trong tim nhưng tình cảm sẽ sống mãi trong khoảnh khắc “cầm tay” ấy.

Đoạn thơ mở đầu của bài Việt Bắc đã vẽ nên những cung bậc cảm xúc hết sức đa dạng, sâu lắng của người đi kẻ ở. Nhịp thơ nhẹ nhàng, du dương để diễn tả một cách trọn vẹn, khéo léo những tình cảm chân thành ấy đã cho thấy tài năng nổi bật của Tố Hữu trong số những thi sỹ tài hoa của Việt Nam.



Phân tích 8 câu đầu bài thơ Việt Bắc - Mẫu 7

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Thơ ông chất phác, mộc mạc giàu chất trữ tình. Trong sự nghiệp sáng tác của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị tiêu biểu là bài thơ “Việt Bắc”. Nổi bật lên trong bài thơ là tám câu thơ đầu với lời của kẻ ở, người đi đầy lưu luyến xúc động

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Việt Bắc là tác phẩm đặc sắc của Tố Hữu được sáng tác vào năm 1954 sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, chính phủ và chính quyền trung ương cách mạng

chuyển từ căn cứ Việt Bắc về Hà Nội. Nhân sự kiện ấy Tố Hữu sáng tác bài Việt Bắc.

Nỗi nhớ da diết của những người yêu nhau như thế nào thì nỗi nhớ của con người Việt Bắc với những người cách mạng cũng như vậy:

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Mở đầu đoạn trích là cách xưng hô “mình” - “ta” đầy thân thương gần gũi, “mình”- là người cách mạng còn “ta” chính là người Việt Bắc. Người dân Việt Bắc hỏi rằng: “Mình về mình có nhớ ta” đọc câu thơ ta thấy ở trong đó có đầy tình cảm lưu luyến, nuối tiếc như một cặp tình nhân khi phải xa nhau, cảm giác đau khổ, không nỡ, nhưng tình yêu thì được hình thành trong quãng thời gian rất ngắn còn tình người giữa Việt Bắc và cách mạng lại là quãng thời gian “mười lăm năm”. “Mười lăm năm” - đó là một quãng thời gian không hề ngắn, đặc biệt trong mười lăm năm ấy tình cảm nào có nhạt phai mà còn “thiết tha mặn nồng”.

Nếu như hai câu đầu là tình cảm giữa người với người thì đến với hai câu sau chính là tình cảm giữa con người với thiên nhiên:

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn.

Người dân Việt Bắc không biết rằng khi về miền xuôi những người cán bộ cách mạng có còn nhớ Việt Bắc nữa hay không. “Mình về mình có nhớ không” đọc câu thơ lên với giọng thơ nhẹ nhàng ta thấy rung rung nước mắt. Núi rừng Việt Bắc, sông núi Việt Bắc đẹp lắm, hùng vĩ lắm nhưng ở miền xuôi lại nhộn nhịp đông

đúc. Người dân Việt Bắc sợ, họ sợ những người cách mạng quên mất Việt Bắc, quên mất những ngày tháng hái quả rừng, ăn rau rừng trên núi, quên mất dòng sông vẫn hàng ngày bắt cá. Trong suy nghĩ của họ, họ rất sợ. Từ “nhớ” trong câu thơ được lặp lại như muốn tô đậm thêm nỗi nhớ nhưng da diết, không nở rời xa, không nở chia ly. Chỉ với bốn dòng thơ đầu Tố Hữu đã tái hiện lại khung cảnh của buổi chia ly thật xúc động, nghẹn ngào và đầy nước mắt.

Trong khung cảnh núi rừng hùng vĩ, cái se lạnh của Việt Bắc những người cách mạng chia tay Việt Bắc

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Người cách mạng rời xa Việt Bắc nhưng vẫn nhớ về tiếng nói tha thiết của người dân Việt Bắc lúc chia tay: “Tiếng ai tha thiết bên cồn”. Người cách mạng về xuôi sẽ còn nhớ lắm giọng nói của người dân Việt Bắc. Vì nhớ nên “Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi” câu thơ khi đọc lên ta thấy cảm xúc như dâng trào. “bâng khuâng” là từ láy chỉ trạng thái của con người mà cụ thể ở đây là người cách mạng về xuôi, họ ra đi nhưng trong lòng cảm thấy lưu luyến không nở rời xa. Cảm xúc nghẹn ngào không nói nên lời đến cả bước đi cũng như nặng hơn. Người không muốn đi mà chân cũng không muốn bước, bước chân trở nên “bồn chồn” như cũng muốn quay trở lại Việt Bắc, quay lại quê hương cái nôi của cách mạng, nơi có những con người tình nghĩa, thủy chung luôn chờ đón họ. Họ không nở rời xa nhau nhưng trong giây phút nghẹn ngào cuối cùng được ở gần nhau thì họ lại không thể thốt nên lời:

*Áo chàm đưa buổi phân li**Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

Màu áo “chàm” - màu áo đặc trưng của cách mạng cũng góp chung vào nỗi nhớ của kẻ ở người đi, họ nhớ nhau nhớ cả màu áo của nhau. Họ cầm tay nhau tình cảm thắm thiết mà không thể thốt nên lời. Tâm trạng trong câu thơ “Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay” cũng khiến cho cảm xúc của người đọc và theo cảm xúc của con người trong thơ: bồn chồn, không yên, day dứt, khó diễn tả. Họ chia tay chỉ muốn òa khóc, xúc động không nói nên lời. họ không còn gì để nói với nhau hay họ có quá nhiều cảm xúc muốn nói mà không thể nói hết trong một khoảnh khắc ngắn ngủi này. Chỉ vắn vắn có bốn câu thơ với hai mươi tám chữ Tố Hữu đã cho người đọc hòa mình vào cuộc chia tay, cũng là lời của người ra đi nói với người ở lại đã làm cho người đọc xúc động nghẹn ngào

Đoạn trích trên trong bài thơ “Việt Bắc” không chỉ thành công ở nội dung mà còn thành công ở nghệ thuật với thể thơ lục bát, lối đối đáp, cách xưng hô mình ta, ngôn ngữ giàu sức gợi. đoạn trích tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc.

Tóm lại, tám câu thơ trên trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu đã để lại trong lòng người đọc những cảm xúc khó phai mờ về tình cảm giữa người Việt Bắc và cách mạng. Bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng sẽ luôn sống mãi trong lòng chúng ta, trong trái tim người đọc Việt Nam.

Phân tích 8 câu thơ đầu bài Việt Bắc - Mẫu 8

Mỗi khi nhớ tới nhà thơ Tố Hữu người ta sẽ nhớ tới một con người chiến sĩ cách mạng. Ông là người đi tiên phong trong phong trào nghệ thuật được gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc của nước ta. Con đường sáng tác nghệ thuật của tác giả

Tố Hữu luôn gắn với tình cảm yêu quê hương đất nước với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của quê hương Việt Nam.

Tác giả Tố Hữu đã sáng tác rất nhiều bài thơ hay nói lên tình cảm yêu nước của quê hương mình, tình cảm quân dân gắn bó. Trong đó, bài thơ "Việt Bắc" là một bài thơ hay đặc sắc thể hiện bút pháp nghệ thuật điêu luyện tài tình của tác giả Tố Hữu khi kết hợp giữa đỉnh cao giữa nghệ thuật và chính trị. Đó là một sự kết hợp vô cùng nhuần nhuyễn uyển chuyển không hề gây cảm giác khó chịu cho người đọc. Trong bài thơ "Việt Bắc" khổ thơ đầu tiên mang tới cho độc giả những cảm xúc vô cùng nghẹn ngào về tình cảm quân và dân vô cùng thắm thiết gắn bó với nhau như người thân trong cùng một gia đình.

Bài thơ "Việt Bắc" được tác giả Tố Hữu sáng tác trong hoàn cảnh khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nước ta đã thắng lợi hoàn toàn. Những người chiến sĩ cách mạng bộ đội cụ Hồ sau 15 năm sống tại vùng núi Việt Bắc gắn bó với đồng bào dân tộc nơi đây, được những người dân nơi đây nuôi giấu chia sẻ từng bát cơm, từng củ khoai củ sắn trong những ngày kháng chiến ác liệt, gắn bó như ruột thịt như người thân trong cùng một gia đình. Nhưng nay khi Miền Bắc nước ta hoàn toàn sạch bóng quân thù thì người chiến sĩ của chúng ta phải trở về xuôi về lại quê hương của mình nhận nhiệm vụ mới.

Cuộc chia tay bịn rịn, thể hiện tình cảm gắn bó thắm thiết. Những lời nói trước khi lên đường khiến cho người dân vô cùng xúc động không nói nên lời giữa cảnh ly biệt kẻ ở người đi. Mở đầu bài thơ tác giả Tố Hữu đã ra những lời nhớ thương được ấp ủ ở trong lòng từ rất lâu rồi. Thể hiện nỗi niềm nặng trĩu của người ra đi cũng như người ở lại:

"Minh về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn"

Tác giả Tố Hữu đã sử dụng cách xưng hô truyền thống thường gặp "Ta và mình" là phong cách xưng hô thường thấy trong ca dao, tục ngữ, dân ca ở nước ta. Đồng thời cho thấy tình cảm gắn bó thân thiết máu thịt của những con người nơi đây với các chiến sĩ cách mạng như người một nhà, như tình cảm vợ chồng, anh em, mẹ con, nên ta và mình sao thật gần gũi, thân thiết, keo sơn.

Điệp từ "Nhớ" được tác giả Tố Hữu sử dụng nhiều lần nhằm nhấn mạnh sự nhớ nhung khi xa cách, một nơi tuy không phải là quê hương của những chiến sĩ cách mạng nhưng lại có nhiều kỉ niệm thân thiết, vào sinh ra tử chẳng khác nào quê hương thứ hai của những người lính cụ Hồ.

Biết bao nhiêu kỉ niệm những người chiến sĩ đã cùng những người dân đồng bào nơi đây cùng trải qua với nhau. Họ cùng nhau đánh đuổi kẻ thù, miếng cơm được chia một nửa, mà mảnh chăn cũng đắp cùng, thể hiện một tình cảm gắn bó hơn cả người thân ruột thịt trong một gia đình. Những người dân đồng bào vùng núi Việt Bắc tuy không phải là anh em cha mẹ, nhưng chẳng khác nào anh em cha mẹ của những người chiến sĩ trong mười lăm năm qua.

"Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi"

Trong hai câu thơ thể hiện tình cảm gắn bó của những người lính với bà con đồng bào nơi đây. Những tiếng nói tha thiết âm vang mãi trong lòng mỗi người lính của chúng ta.

Nó chính là tiếng lòng, tiếng gọi của những con người từng một thời sinh tử gắn bó, có những khi cận kề cái chết nhưng họ vẫn luôn sát cánh bên nhau, giờ phải chia ly kẻ đi người ở nên tâm trạng không khỏi vấn vương xúc động nghẹn lời. Những tâm trạng nhớ nhung chỉ biết kiềm chế ở trong trái tim không thể nói nên lời hay gào thét lên cho người ngoài nổi lòng, khiến cho cảnh chia ly càng trở nên buồn hơn bao giờ hết.

Áo chàm đưa buổi phân ly,

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

Câu thơ được tác giả Tố Hữu viết theo thể thơ cổ truyền lục – bát vừa dễ nhớ lại dễ thuộc, cách gieo vần cũng như nhịp điệu vô cùng sinh động làm cho bài thơ trở nên vô cùng hấp dẫn, và tạo nên âm hưởng nhạc họa trong bài thơ. Màu sắc của áo chàm chính là màu trang phục của những người dân đồng bào dân tộc vùng núi tây Bắc. Một hình ảnh quen thuộc gắn bó với những người chiến sĩ cách mạng, nhưng hôm nay khi chia ly màu áo chàm lại gợi lên những cảm xúc bồi hồi băng khuâng. Hình ảnh giàu tính cảm xúc gợi cảm nên phải thể hiện những tình cảm chân thành gắn bó. Những tình cảm chân thành giữa người đi và người ở lại, tình nghĩa quân dân.

Khổ đầu của bài thơ "Việt Bắc" tác giả Tố Hữu nói lên cung bậc cảm xúc vô cùng chân thành sâu sắc của tác giả. Nhịp thơ vô cùng nhẹ nhàng sâu sắc, thể hiện một tình cảm vô cùng gắn bó keo sơn giữa người lính cách mạng và người dân vùng núi Tây Bắc nơi các chiến sĩ đóng quân.



Phân tích 8 câu đầu của bài thơ Việt Bắc - Mẫu 9

Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Thơ ông mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, đậm chất trữ tình. Trong sự nghiệp sáng tác của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị như tập thơ “Từ ấy”, “Máu và hoa”... trong đó tiêu biểu nhất là bài thơ “Từ ấy” trích trong tập thơ “Từ ấy”. Bài thơ đã thể hiện một cách thành công nỗi nhớ nhung, tâm trạng bồi hồi, lưu luyến trong buổi chia tay của người Việt Bắc với cán bộ cách mạng. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong đoạn thơ:

“Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Việt Bắc là căn cứ địa cách mạng, là cái nôi kháng chiến. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 7 năm 1954 hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết. Tháng 10 năm 1954 Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội. Nhân sự kiện lịch sử ấy Tố Hữu đã viết bài thơ “Việt Bắc”.

Câu thơ mở đầu là một câu hỏi tu từ chứa nhiều cảm xúc:

“Mình về mình có nhớ ta”

“Mình” là chỉ người ra đi - người chiến sĩ cách mạng, “ta” chính là người Việt Bắc. Câu hỏi chính là lời của người ở lại hỏi người ra đi rằng khi người chiến sĩ cách mạng về xuôi rồi còn có nhớ đến người Việt Bắc hay không? Với cách xưng hô “mình - ta” đậm chất ca dao cùng với điệp từ mình đã cho ta thấy được tình cảm gắn bó thân thiết đầy yêu thương, làm cho nỗi nhớ càng trở nên day dứt khôn nguôi. Người Việt Bắc muốn hỏi người kháng chiến có nhớ:

“Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”

Mười lăm năm là từ chỉ thời gian, là khoảng thời gian gắn bó keo sơn giữa người chiến sĩ và người Việt Bắc. Đó là một khoảng thời gian dài cùng nhau chiến đấu, cùng nhau vượt qua biết bao gian khổ. Từ “ấy” vang lên chứ tác giả không sử dụng từ “đó” như để làm tăng thêm ý nghĩa của khoảng thời gian “mười lăm năm” đồng thời thể hiện sự trân trọng của tác giả với những ngày tháng gắn bó. Những từ

“thiết tha”, “mặn nồng” là những từ nhấn mạnh tình cảm gắn bó keo sơn giữa người Việt Bắc và người cách mạng. Qua đó tác giả muốn nhấn mạnh hơn về tình nghĩa thủy chung son sắt luôn hướng tới cách mạng, hướng tới những người chiến sĩ của người dân Việt Bắc.

Câu thơ tiếp theo như một lời nhắc nhở đối với người chiến sĩ cách mạng:

“Mình về mình có nhớ không”

Vẫn là câu hỏi tu từ, vẫn là cách xưng hô “mình” nhưng đây là câu hỏi vang lên như một lời nhắc nhở “có nhớ không”. Người Việt Bắc muốn nhắc nhở người chiến sĩ cách mạng về xuôi hãy nhớ đến Việt Bắc, hãy:

“Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn”

Khi về tới Hà Nội, người cách mạng khi nhìn thấy cây ở Hà Nội phồn hoa thì hãy nhớ đến núi rừng nơi Việt Bắc. Hãy nhớ nơi gắn bó thủy chung, son sắc, nơi người cách mạng và người Việt Bắc đã cùng chiến đấu, cùng nhau vượt qua bao gian khổ. Khi nhìn thấy sông thì hãy nhớ đến nguồn, hãy nhớ đến sông núi Việt Bắc, nhớ đến những dòng sông cùng các chiến sĩ cách mạng chiến đấu. Hay đó chính là lời nhắc nhở của người Việt Bắc đối với người chiến sĩ cách mạng khi trở về xuôi nhìn thấy cảnh vật nơi phồn hoa đô thị tươi đẹp ấy thì hãy nhớ đến con người Việt Bắc, nhớ đến những ngày tháng chiến đấu gian khổ nơi núi rừng đầy hiểm trở, cheo leo. Điệp từ “nhìn” và “nhớ” dường như đã nhấn mạnh ý hỏi của người ở lại. Mong muốn những người cách mạng luôn nhớ về nơi Việt Bắc. Nơi có những con người sắt son, thủy chung, luôn mong nhớ về người cách mạng.

Bốn câu thơ đầu tiên là lời của người Việt Bắc hỏi người cán bộ về xuôi. Với lối đối đáp cách xưng hô “mình - ta”, điệp từ cùng với từ láy, đặc biệt là kết hợp với câu hỏi tu từ đã cho thấy được tình cảm gắn bó thiết tha, mặn nồng, thủy chung son

sắt của người Việt Bắc. Qua đó ta có thể cảm nhận được phẩm chất tốt đẹp của con người nơi đây. Dù phải sống trong khó khăn, đời núi hiểm trở, thiếu thốn nhưng tình yêu của họ đối với người chiến sĩ là không hề thay đổi, luôn luôn cồn cào, da diết và mãnh liệt.

Vẻ đẹp của đoạn thơ không chỉ là lời của người Việt Bắc mà còn là câu trả lời của người cách mạng dành cho Việt Bắc:

“Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

Với đại từ nhân xưng “ai” đó chính là tiếng lòng của người Việt Bắc vang vọng như muốn gọi người chiến sĩ ở lại, hay đó chính là tiếng lòng của người chiến sĩ không muốn chia xa. Từ “tha thiết” như làm cho tiếng gọi đó vang vọng hơn, sâu lắng hơn, làm cho ta cảm nhận được tình cảm giữa Việt Bắc và người cán bộ cách mạng như vô cùng sâu nặng. Câu thơ tiếp theo càng làm rõ hơn điều đó:

“Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi”

Từ láy “bâng khuâng”, “bồn chồn” chính là để chỉ tâm trạng người ra đi. “Bâng khuâng” là trạng thái lưu luyến day dứt, như còn lâng lâng một điều gì đó sâu sắc lắm trong tình cảm của mình. Nó khiến cho tâm trạng của con người day dứt đến khó chịu, “bồn chồn” là chỉ sự ray rứt trong tâm trạng của con người như lo lắng điều gì đó. Tất cả đã tạo nên tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng về xuôi, khi trở về xuôi vẫn còn mang trong mình nỗi nhớ, day dứt khôn nguôi, cả sự lo lắng trong tâm trạng của người cán bộ cách mạng. Qua đó ta có thể cảm nhận được

tình cảm của người cách mạng đối với Việt Bắc cũng sâu nặng không kém gì tình cảm của người Việt Bắc dành cho họ.

Hai câu thơ cuối là hình ảnh chia tay đầy nước mắt giữa người chiến sĩ cách mạng và người Việt Bắc:

“Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

“Áo chàm” là màu áo nâu, màu áo của người nông dân nghèo khổ, cực nhọc, vất vả quanh năm suốt tháng lao động cần cù để phục vụ cho cách mạng. Hình ảnh hoán dụ “áo chàm” chính là để chỉ người Việt Bắc. Những người Việt Bắc ra tiễn những người cách mạng về xuôi trong một tâm trạng day dứt, băng khuâng. Từ “phân li” như thể hiện buổi chia tay ấy như là sự chia cắt. Dường như họ không muốn rời xa nhau nhưng do hoàn cảnh họ phải chia li, xa rời nhau mỗi người một nơi. Qua đó thể hiện nỗi tiếc thương nhưng nhớ, khẳng định tình cảm gắn bó sâu đậm của người Việt Bắc và người chiến sĩ cách mạng. Tình cảm ấy được khẳng định rõ ràng hơn trong câu thơ cuối:

“Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

Không phải không có gì để nói mà là có quá nhiều điều để nói, không thể nói hết và không biết nói điều gì đầu tiên, từ “biết nói gì” đã thể hiện điều đó. Mười lăm năm gắn bó keo sơn, mười lăm năm cùng nhau vượt qua bao khó khăn gian khổ tình cảm của họ quá sâu đậm, có quá nhiều điều để nói nhưng những lời nói ấy tại sao không thốt nên lời, nó cứ nghẹn lại trong cổ họng mà thứ trào ra chỉ có nước mắt của sự chia li. Không nói ra được họ chỉ biết cầm tay nhau, chỉ hành động “cầm tay” thôi đã cho ta cảm nhận thấy tình yêu thương mặn nồng giữa họ. Hành động “cầm tay” thay cho những lời nói yêu thương, những lời gửi gắm, tình cảm

giữa họ dường như được truyền hết qua hành động ấy. Đó còn là sự thể hiện tình cảm, tâm trạng chưa xa đã nhớ của người chiến sĩ cách mạng và đó cũng chính là tiếng lòng của họ.

Tám câu thơ ngắn gọn nhưng mang biết bao ý nghĩ. Qua đó cho ta cảm nhận sâu sắc về tình cảm thủy chung son sắt, gắn bó sâu nặng giữa người Việt Bắc và người cán bộ cách mạng về xuôi. Qua đó ta thấy được tâm trạng bồi hồi lưu luyến day dứt của họ. Không chỉ thành công về nội dung, đoạn thơ còn thành công về nghệ thuật. Với lối đối đáp, cách xưng hô mình – ta, điệp từ, điệp ngữ cùng với hình ảnh hoán dụ, từ láy, ngôn từ bình dị, đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu.

Qua đoạn thơ ta đã cảm nhận được một cách rõ nét tình cảm, tấm lòng, tình yêu thương mà người Việt Bắc và người cán bộ cách mạng dành cho nhau. Tám câu thơ trong bài thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu mang lại cho người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc. Những ân tình ấy sẽ sống mãi trong lòng người đọc hôm nay và mai sau.

Phân tích đoạn 1 bài thơ Việt Bắc - Mẫu 10

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, tháng 10 năm 1954, các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội. Nhân sự kiện có tính chất lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ Việt Bắc, khắc họa lại cuộc chia tay lịch sử với những tình cảm thủy chung son sắt. Tình cảm ấy được thể hiện qua những câu thơ sau:

Mình về mình có nhớ ta?

....

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Đoạn thơ tràn đầy một nỗi nhớ tưởng như không thể kìm nén được, cứ trào ra theo ngòi bút và tuôn chảy thành những dòng thơ. Có đến bốn chữ “nhớ” trong một đoạn thơ tám câu chắc hẳn nỗi nhớ ấy phải thật da diết và sâu nặng. Đây là nỗi nhớ quê hương cách mạng của người đã từng gắn bó sâu sắc với vùng đất thiêng đầy kỷ niệm ấy, là nỗi nhớ của nghĩa tình, của ân tình thủy chung.

Khúc hát dạo đầu đã nhắc đến nỗi nhớ của đạo lí Việt Nam, cảnh tiễn đưa bâng khuâng trong nỗi nhớ, người ở lại hỏi người ra đi cũng chỉ một nỗi nhớ và người ra đi trả lời bằng chính nỗi nhớ ấy của mình. Tố Hữu đã diễn tả nỗi nhớ quê hương cách mạng bằng tiếng nói ngọt ngào, tha thiết của khúc hát đối đáp giao duyên nam nữ trong dân ca. Khúc hát ấy thấm nhuần đạo lí ân tình thủy chung:

Mình về mình có nhớ ta?

...

Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn.

Nghe như ca dao, lại phảng phất âm hưởng thơ Kiều, hai câu đầu gọi ta nhớ đến một câu thơ trong Truyện Kiều:

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình

Việt Bắc đã hỏi người cán bộ về xuôi có còn nhớ mình không? Có còn nhớ những tình cảm thiết tha, mặn nồng trong suốt khoảng thời gian mười lăm năm gắn bó. Nhìn cây còn có nhớ núi, nhìn sông còn có nhớ đến nguồn? Bốn câu thơ nhưng thực chất là hai câu hỏi tu từ. Lời của người ở nhưng thực chất là lời nói của người đi để nói lên đạo lí Việt Nam truyền thống vốn là bản chất tốt đẹp của dân tộc ta. Không chỉ nói lên mà chính là nhắc nhở mọi người, nhắc nhở chính mình bởi vì cái đạo lí ấy thiêng liêng lắm, quý giá lắm, phải giữ gìn và phát huy.

Sâu nặng biết bao trong “mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”, ân tình biết bao khi “nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn”. Bốn câu thơ mà có đến bốn chữ “mình”, bốn chữ “nhớ” hòa quyện quấn quýt cùng chữ “ta”, khiến cái đạo lí ân tình Việt Nam đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt bài thơ Việt Bắc, trở thành chủ đề lớn của tác phẩm.

Sau khúc hát mở đầu là cảnh tiễn đưa băng khuâng trong nỗi nhớ của người ra đi và cả người ở lại:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Băng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

Có âm thanh da diết và màu sắc đậm đà thủy chung, có bước chân bồn chồn và những cái nắm tay đầy lưu luyến. Mỗi bước chân của người đi mang theo nỗi niềm lưu luyến lưu cho người ở lại. “Tiếng ai” không phải là câu hỏi, cũng chẳng phải là đại từ phiếm chỉ mà đó chính là cách nói thể hiện nỗi niềm “băng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi”. “Băng khuâng” vì “đi không nổi”, nhưng “bồn chồn” vì ở cũng chẳng đành bởi lẽ Việt Bắc đã trở thành ký ức, thành tình yêu, thành tâm hồn:

*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn*

Từ láy băng khuâng, bồn chồn được Tố Hữu sử dụng rất tinh tế ở câu thơ này. Nó thể hiện được nỗi niềm, được tâm trạng và cả những chuyển động trong cảm xúc, để rồi hình ảnh tiếp theo xuất hiện là chiếc áo chàm qua thủ pháp hoán dụ gợi tả con người Việt Bắc:

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Màu áo chàm là một hình ảnh đầy ý nghĩa, đó là màu áo của Việt Bắc đậm đà, son sắt như chính lòng thủy chung của con người nơi đây. Màu áo ấy nhắc nhở người ra đi nhiều ký ức khó phai nhòa.

Câu thơ “cầm tay nhau biết nói gì hôm nay” mang một giá trị biểu cảm rất lớn. “Cầm tay nhau” nhưng chẳng “biết nói gì” vì có quá nhiều nỗi niềm cần bày tỏ, vì trong lòng họ tràn ngập nỗi nhớ thương nên không biết nói điều gì trước, điều gì sau, điều gì nên giải bày, điều gì nên giấu kín trong tim. Cho nên chẳng “biết nói gì” chính là nói lên rất nhiều tấm lòng thương nhớ. Câu thơ ngắt nhịp 3/3/2 như sự ngập ngừng lưu luyến, làm ta liên tưởng đến buổi tiễn đưa của người chinh phụ và chinh phụ trong “Chinh phụ ngâm”:

Bước đi một bước, giây giây lại dừng

Trong màn đối đáp giao duyên của cuộc chia tay lịch sử ấy, Tố Hữu đã để cho người ở lại lên tiếng trước. Điều này không chỉ hợp lý, tế nhị mà còn cần thiết cho sự phát triển mạch thơ trong cả bài thơ.

Bằng việc sử dụng đại từ “mình - ta” cùng thể thơ lục bát, Tố Hữu đã tái hiện cuộc chia tay lịch sử của Việt Bắc và người chiến sĩ cách mạng với biết bao ân tình, chung thủy. Con người dễ cộng khổ nhưng khó đồng cam, Việt Bắc ra đời chính là lời nhắc nhở tình nghĩa gắn bó cùng đạo lý tri ân muôn đời của dân tộc.

